

Số: 4025 /QĐ - UBND

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh giảm giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn
tỉnh Thanh Hóa do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2011 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Căn cứ Công văn số 5257/VPCP-KTTH ngày 1/8/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh giảm giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại các công văn: số 5175/STC-TCDN ngày 27/8/2021; số 5558/STC-TCDN ngày 10/9/2021; số 6180/STC-TCDN ngày 08/10/2021 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm giá nước sạch sinh hoạt bình quân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, với các nội dung chính như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Các nhóm khách hàng theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sử dụng nước của các đơn vị, doanh nghiệp cấp nước sạch quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Giá nước sạch sinh hoạt bình quân cụ thể sau điều chỉnh theo Phụ lục chi tiết đính kèm theo Quyết định này.

3. Thời gian thực hiện giảm giá nước sạch sinh hoạt cho các đối tượng là: Từ ngày 01/10/2021 cho đến khi có chỉ đạo mới của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp nước sạch sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện giảm giá nước sạch cụ thể cho từng đối tượng sử dụng nước sinh hoạt tương ứng với tỷ lệ giảm giá nước bình quân và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc điều chỉnh giảm chi tiết nêu trên; đồng thời, thực hiện các biện pháp cắt giảm, tiết kiệm chi phí để đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh và chia sẻ khó khăn trong giai đoạn phòng, chống dịch Covid-19. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện của các đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT; Người đại diện theo pháp luật của các tổ chức, doanh nghiệp cấp nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC .

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC:
BẢNG GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH DO CÁC ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP
SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)
DVT: Đồng/m³

STT	Tên đơn vị	Giá bình quân	Ghi chú
1	Công ty CP Cấp nước Thanh Hóa	10.264	
2	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	10.093	
3	Công ty TNHH Xây dựng thương mại Thanh Hóa	10.148	
4	Công ty CP Xây dựng và TM Số 7 TH	9.881	
5	Công ty CP Đầu tư BĐS và Xây dựng Đức Minh	10.127	
6	Công ty TNHH MTV Trường Tuấn	10.262	
7	Công ty CP Bến En Xanh	10.131	
8	Công ty cổ phần cấp nước Miền Trung	9.338	
9	Công ty cổ phần cấp nước An Bình	9.338	
10	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trường Thành	9.338	